

ĐIỂM TRÚNG TUYỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GTVT NĂM 2026

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chương trình	Điểm chuẩn THPT (Thang điểm 30)	Điểm chuẩn Học bạ (Thang điểm 30)
1	GTADCLG2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	25.00	27.50
2	GTADCAT2	An toàn dữ liệu và an ninh mạng	24.50	27.13
3	GTADCCN2	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	24.25	26.94
4	GTADCVM2	Công nghệ kỹ thuật vi mạch bán dẫn	24.00	26.75
5	GTADCTD2	Thương mại điện tử	23.75	26.56
6	GTADCHQ2	Hải quan và Logistics	23.50	26.38
7	GTADCOT2	Công nghệ kỹ thuật ô tô	23.50	26.38
8	GTADCOH2	Công nghệ ô tô điện và ô tô hybrid	23.00	26.00
9	GTADCLH2	Logistics và hạ tầng giao thông	22.00	25.25
10	GTADCTG2	Trí tuệ nhân tạo và giao thông thông minh	20.00	23.50
11	GTADCCM2	Công nghệ chế tạo máy	22.00	25.25
12	GTADCB12	Xây dựng và quản lý số công trình giao thông	18.00	21.50
13	GTADCDT2	Công nghệ kỹ thuật điện tử- viễn thông	22.75	25.81
14	GTADCCD2	Công nghệ kỹ thuật xây dựng Cầu đường bộ	18.00	21.50
15	GTADCVL2	Logistics và vận tải đa phương thức	23.00	26.00
16	GTADCQM2	Quản trị Marketing	22.00	25.25
17	GTADCCCH2	Hạ tầng giao thông đô thị thông minh	18.00	21.50
18	GTADCKQ2	Kinh doanh quốc tế	22.00	25.25
19	GTADCCHT2	Hạ tầng giao thông đô thị thông minh (Lớp tài năng)	18.00	-
20	GTADCCI2	Thương mại quốc tế	23.25	26.19
21	GTADCCMJ2	Công nghệ chế tạo máy (tăng cường tiếng Nhật, định hướng làm việc tại Nhật Bản)	20.00	23.50
22	GTADCDD2	CNKT công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp	18.00	21.50
23	GTADCMA2	Truyền thông marketing	23.25	26.19
24	GTADCDM2	Công nghệ phương tiện đường sắt hiện đại	18.00	21.50
25	GTADCDTJ2	Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn thông (tăng cường tiếng Nhật, định hướng làm việc tại Nhật Bản)	21.00	24.50
26	GTADCEN2	Ngôn ngữ Anh	21.50	24.88
27	GTADCFT2	Công nghệ tài chính	22.00	25.25
28	GTADCDQT2	Quản lý và xây dựng công trình dân dụng thông minh (Lớp tài năng)	18.00	-

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chương trình	Điểm chuẩn THPT (Thang điểm 30)	Điểm chuẩn Học bạ (Thang điểm 30)
29	GTADCGMT2	Công nghệ vật liệu xây dựng tiên tiến và thông minh (Lớp tài năng)	18.00	-
30	GTADCHQA2	Hải quan và Logistics (tăng cường tiếng Anh)	22.50	25.63
31	GTADCHS2	Đường sắt tốc độ cao	18.00	21.50
32	GTADCKQA2	Kinh doanh quốc tế (tăng cường tiếng Anh)	22.00	25.25
33	GTADCHST2	Đường sắt tốc độ cao (Lớp tài năng)	18.00	-
34	GTADCKB2	Kinh tế và quản lý bất động sản	20.00	23.50
35	GTADCMN2	Công nghệ và quản lý môi trường	18.00	21.50
36	GTADCKN2	Kiến trúc nội thất	20.00	23.50
37	GTADCKS2	Kinh doanh số	22.00	25.25
38	GTADCKT2	Kế toán doanh nghiệp	22.25	25.44
39	GTADCMT2	CNKT cơ khí tàu thủy và công trình nổi	18.00	21.50
40	GTADCKX2	Kinh tế xây dựng	20.00	23.50
41	GTADCLA2	Luật	22.75	25.81
42	GTADCLD2	Lữ hành và du lịch	21.00	24.50
43	GTADCLDA2	Lữ hành và du lịch (tăng cường tiếng Anh)	21.00	24.50
44	GTADCLGA2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng (tăng cường tiếng Anh)	22.00	25.25
45	GTADCLGJ2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng (tăng cường tiếng Nhật, định hướng làm việc tại Nhật Bản)	21.00	24.50
46	GTADCMQ2	Công nghệ và quản lý thiết bị xây dựng	18.00	21.50
47	GTADCMS2	Digital Marketing	23.25	26.19
48	GTADCAI2	Trí tuệ nhân tạo	21.00	24.50
49	GTADCMX2	Máy và thiết bị tự động hóa xây dựng	18.00	21.50
50	GTADCOD2	Cơ điện tử ô tô	22.75	25.81
51	GTADCBC2	Quản lý, khai thác và bảo trì đường cao tốc	18.00	21.50
52	GTADCODA2	Cơ điện tử ô tô (tăng cường tiếng Anh)	21.00	24.50
53	GTADCOG2	Công nghệ ô tô và giao thông thông minh	22.25	25.44
54	GTADCPK2	Phân tích dữ liệu trong kinh tế	20.00	23.50
55	GTADCQHA2	Quản trị dịch vụ hàng không (tăng cường tiếng Anh)	18.00	21.50
56	GTADCQT2	Quản trị doanh nghiệp	21.25	24.69
57	GTADCQX2	Quản lý xây dựng	20.00	23.50
58	GTADCRT2	Công nghệ kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo	22.00	25.25

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chương trình	Điểm chuẩn THPT (Thang điểm 30)	Điểm chuẩn Học bạ (Thang điểm 30)
59	GTADCTDA2	Thương mại điện tử (tăng cường tiếng Anh)	21.75	25.06
60	GTADCTGT2	Trí tuệ nhân tạo và giao thông thông minh (Lớp tài năng)	20.00	-
61	GTADCTN2	Tài chính doanh nghiệp	21.00	24.50
62	GTADCTQ2	Thanh tra và quản lý công trình giao thông	18.00	21.50
63	GTADCTT2	Công nghệ thông tin	22.50	25.63
64	GTADCTTA2	Công nghệ thông tin (tăng cường tiếng Anh)	20.75	24.25
65	GTADCVS2	Quản lý và điều hành vận tải đường sắt tốc độ cao	18.00	21.50
66	GTADCVV2	Kỹ thuật vi điện tử và vật lý bán dẫn	22.75	25.81
67	GTADCXQ2	Xây dựng và quản lý hạ tầng đô thị	18.00	21.50
68	GTADCXS2	Xây dựng và quản lý khai thác đường sắt đô thị	18.00	21.50

Lưu ý:

Thí sinh có điểm xét tuyển lớn hơn hoặc bằng điểm chuẩn trúng tuyển tương ứng với từng phương thức xét tuyển là trúng tuyển.

Thí sinh xem điểm chuẩn theo 05 phương thức xét tuyển và kết trúng tuyển trên website <https://utt.edu.vn/vn/>.

Thí sinh tra kết quả xét tuyển trên trang xét tuyển miền Bắc: <http://kqmb.hust.edu.vn>.

Nhà trường sẽ gửi Giấy báo trúng tuyển bản mềm qua email và bản cứng qua đường bưu điện về địa chỉ nhà của thí sinh.

Thời gian xác nhận nhập học trên hệ thống của Bộ GD-ĐT trước 17 giờ ngày 21/8/2026.

Thời gian nhập học online, nhập học trực tiếp tại Trường từ ngày 14/8 đến ngày 22/8/2026.

Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ: số 54 phố Triều Khúc, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội.
- Website: <https://utt.edu.vn/vn/>
- Fanpage: <https://www.facebook.com/utt.vn>
- Facebook tư vấn tuyển sinh 2K7: <https://www.facebook.com/groups/k76utt>
- Hotline: 02435526713.